

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 36/2024/DS-PT

Ngày: 07/8/2024

V/v “*Tranh chấp chia di sản
thừa kế*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Vương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn

Bà Nguyễn Thị Kim Hằng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:***
Bà Đỗ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”, do có kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số 02/2024/DSST ngày 29 tháng 03 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 56/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

+ ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 (Có mặt);

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

+ ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1979 (Có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Hồng Q:

- Chị Trần Thị T1, sinh năm 1980 (là vợ anh Q), (Có mặt);

Đều có nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Ông Ngô Xuân P – Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh T; Địa chỉ: Số B H, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình (Có mặt).

+ ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Cụ Hoàng Thị H, sinh năm 1935 (Có mặt);

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Anh Nguyễn Đức T2, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Tổ A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.
Số điện thoại: 0376866779.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Đức T2: Ông Ngô Xuân P – Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh T; Địa chỉ: Số B H, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình (Có mặt).

- Cụ Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1939 (Vắng mặt);

- Cụ Nguyễn Thị P1, sinh năm 1940 (Vắng mặt);

Đều có nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Bá R - Chủ tịch UBND xã A, huyện Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Chí L – Phó chủ tịch UBND xã A, huyện Q (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

*** Quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1958 (chết năm 2022) và bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1960 (chết năm 2012) là vợ chồng, cùng chung sống tại thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống ông T3 và bà T4 có 02 người con chung là anh Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1979 và anh Nguyễn Đức T2, sinh năm 1982. Năm 2012, bà T4 chết thì bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T3 đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào ngày 15/6/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại xã A và lao động tự do, quá trình chung sống bà T và ông T3 không có con chung. Năm 2022, ông T3 chết không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ về tài sản. Bố mẹ bà T4 là cụ Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1939 và cụ Nguyễn Thị P1, sinh năm 1940 đều còn sống, hiện 02 cụ đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Bố ông T3 là cụ Nguyễn Văn T5 đã chết vào năm 2011, mẹ ông T3 là cụ Hoàng Thị H, sinh năm 1935 hiện còn sống đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Di sản ông T3, bà T4 để lại là thửa đất số 07, tờ bản đồ số 5, diện tích 2557,8m² địa chỉ: thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (mang tên hộ ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị T4); mục đích sử dụng đất nông nghiệp. Trên thửa đất có 02 căn nhà cấp 4 do ông T3 và bà T4 xây dựng năm 2007 (năm 2017, bà và ông T3 sửa chữa hết 18.500.000 đồng và đến tháng 9/2021, sửa chữa hết 52.000.000 đồng); 04 gian chuồng trại chăn nuôi (đã phá, không còn); 01 khu bờ ao đã xây toàn bộ. Diện tích thực tế theo kết quả đo đạc thẩm định là: 2.797,8 m² đất nông nghiệp chuyển đổi cơ cấu cây trồng con vật nuôi (trong đó

có 2.263m² đất của hộ ông T3 bà T4; 534,8 m² đất 5% do Ủy ban nhân dân xã A quản lý).

Nguồn gốc thừa đất là do nhà nước giao đất theo quyết định theo quyết định 652 ngày 17/11/1993 và Quyết định 948 ngày 25/9/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh T. Sau khi ông T3 chết thì bà T và anh Q không thống nhất giải quyết được với nhau.

Nay bà T đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T3 là thừa đất số 07, tờ bản đồ số 5 địa chỉ: thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (mang tên ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị T4); mục đích sử dụng đất nông nghiệp và tài sản trên đất bà T xin được nhận sở hữu bằng hiện vật phần đất có nhà của ông T3 vì hiện nay bà T không có chỗ ở nào khác đang ở nhờ nhà cụ Hoàng Thị H (mẹ chồng bà), nếu các đồng thừa kế nhường lại kỷ phần cho bà, bà nhất trí nhận và nhất trí chịu án phí đối với kỷ phần được nhận theo quy định của pháp luật.

Bà T nhất trí với kết quả thẩm định, định giá của Tòa án và xin chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản. Tổng trị giá tài sản trên đất còn lại là 32.962.000 đồng trong đó bà T xác định chi phí công sức đóng góp tôn tạo xây dựng khối tài sửa chữa 02 gian nhà giá trị đến nay là 5.000.000 đồng trong khối tài sản chung, còn lại 27.962.000 đồng là trị giá di sản thừa kế của ông T3, bà T4. Bà không yêu cầu về công sức quản lý bảo quản di sản.

**** Quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Hồng Q trình bày:***

Anh Nguyễn Hồng Q, anh Nguyễn Hồng T6 là con đẻ của ông Nguyễn Văn T3 (sinh năm 1958, chết năm 2022) và bà Nguyễn Thị T4 (sinh năm 1960, chết năm 2012). Ngoài ra, ông T3 và bà T4 không có người con chung, con riêng và con nuôi nào khác. Đến năm 2012, bà T4 chết thì ông T3 có kết hôn với bà Nguyễn Thị T. Ông T3, bà T không có người con chung nào. Năm 2022, ông T3 chết; ông T3, bà T4 đều không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ về tài sản. Di sản ông T3, bà T4 để lại là thừa đất số 07, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.557,8m². Địa chỉ: thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (mang tên hộ ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị T4); mục đích sử dụng đất nông nghiệp. Trên thừa đất có 02 căn nhà cấp 4 do ông T3 và bà T4 xây dựng năm 2007; 04 gian chuồng trại chăn nuôi (đã hư hỏng, không còn giá trị); 01 khu bờ ao đã xây toàn bộ. Năm 2011 ông Nguyễn Văn T3 đã tự bán đất (ngay sát trạm bơm) với sản lượng quy bằng 142,5kg tương đương diện tích 570m² đất loại 7.

Nay bà T yêu cầu chia tài sản thừa kế của ông T3 để lại thì anh Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T với một vài lý do như sau: Đây là đất chuyển đổi nông nghiệp của gia đình anh gồm ông T3, bà T4, anh Q và anh T6. Bà T có khẩu nông nghiệp tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình không thuộc diện được chia khẩu đất nông nghiệp nhà anh Q.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và ý kiến của anh Nguyễn Đức T2: Ông Phúc trình b, ông nhất trí với yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn, ông đề nghị chia cho nguyên đơn trị giá bằng tiền vì để tránh manh mún khi sử dụng đất, đất nông nghiệp không chia được, không xây nhà được. Đối với phần di sản anh T2 được hưởng từ ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị T4 thì đề nghị được sở hữu bằng hiện vật (đất) và cho anh Nguyễn Hồng Q phần di sản thừa kế anh T2 được hưởng từ ông T3, bà T4, đồng thời không yêu cầu anh Q phải chia trả chênh lệch về tài sản.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Hoàng Thị H trình bày:***

Cụ H và cụ Nguyễn Văn T5 (sinh năm 1933 đã chết vào năm 2011) là vợ chồng. Quá trình chung sống 02 cụ có 7 người con chung là: anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1958 (đã chết năm 2022); anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1967; chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1963; chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1973; chị Nguyễn Thị T7, sinh năm 1969; anh Nguyễn Văn T8, sinh năm 1975; anh Nguyễn Văn T9, sinh năm 1981. Ngoài ra cụ H và cụ T5 không còn con nuôi, con riêng nào khác. Cụ H nhất trí với yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị T, đối với phần di sản cụ H được hưởng từ ông Nguyễn Văn T3 thì cụ H đề nghị được sở hữu bằng hiện vật (đất) và cụ cho bà Nguyễn Thị T phần di sản thừa kế cụ được hưởng từ ông T3 và không yêu cầu bà T phải chia trả chênh lệch về tài sản cho cụ. Hiện tại bà T đang ở nhờ nhà cụ.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Ngọc D, cụ Nguyễn Thị P1 trình bày:***

Cụ Nguyễn Ngọc D và cụ Nguyễn Thị P1 là vợ chồng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống các cụ có 06 người con chung là bà Nguyễn Thị T10, sinh năm 1957, bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1960 (đã chết năm 2012); bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1963; ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1968; ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1973; bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975.

Nay bà T yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T3 thì cụ D, cụ P1 có quan điểm như sau: Đối với phần di sản thừa kế các cụ được hưởng từ bà T4 thì các cụ đề nghị được nhận bằng hiện vật (đất) và cho anh Nguyễn Hồng Q phần diện tích này, không yêu cầu anh Q chia trả chênh lệch về tài sản.

**** Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã A:***

Nguồn gốc thửa đất có yêu cầu chia thừa kế là của hộ ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị T4 như sau:

- Theo kết quả đo đạc VLAP và kết quả đo đạc địa chính năm 2013 của Ủy ban nhân dân xã A thửa đất có số thửa 7 tờ bản đồ số 05, diện tích 2.557,8m²

địa chỉ: thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, mục đích sử dụng đất nông nghiệp khác, ghi tên chủ sử dụng là hộ ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị T4.

- Theo kết quả thẩm định tại chỗ ngày 24/8/2023 do công ty TNHH T11 đo đạc thửa đất số 7, tờ bản đồ địa chính số 5, địa chỉ: thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình diện tích 2.797,8 m² tức là tăng 240 m² đất nông nghiệp chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi so với kết quả đo đạc VLAP và kết quả đo đạc địa chính năm 2013 là do sai số trong quá trình đo đạc.

Ủy ban nhân dân xã A công nhận diện tích đất của hộ ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị T4 là 2.263 m² đất nông nghiệp chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi (thuộc đất loại 7). Diện tích đất còn lại 534,8 m² là đất 5% do Ủy Ban nhân dân xã A Quản lý.

Nay bà T yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất trên, UBND xã A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. UBND xã A đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Đối với diện tích đất 5% do Ủy Ban nhân dân xã A Quản lý đề nghị tiếp tục giao cho anh Nguyễn Hồng Q quản lý sử dụng, đối với phần diện tích này UBND xã A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu bà T được chia vào phần diện tích đất có nhà thì UBND xã A không có ý kiến gì.

Bản án số 02/2024/DS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 271, 273, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc chia di sản thừa kế đối với di sản của ông Nguyễn Văn T3 để lại:

- Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T3 tại thửa đất số 7, tờ bản đồ địa chính số 5, địa chỉ thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình có diện tích là 678,9 m² đất nông nghiệp (có trị giá đất là 678,9m² x 42.000 đồng = 28.513.800 đồng) trị giá tài sản trên đất của ông T3 là 16.777.000 đồng.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị T4 gồm 5 người là: Cụ Nguyễn Ngọc D; cụ Nguyễn Thị P1, ông Nguyễn Văn T3, anh Nguyễn Hồng Q, anh Nguyễn Đức T2.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T3 gồm 4 người là: Cụ Hoàng Thị H, bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Hồng Q, anh Nguyễn Đức T2.

- Ghi nhận sự tự nguyện nhường kỷ phần thừa kế di sản của cụ Hoàng Thị H cho bà Nguyễn Thị T.

- Ghi nhận sự tự nguyện nhường kỹ phần thừa kế di sản của cụ Nguyễn Ngọc D, cụ Nguyễn Thị P1, anh Nguyễn Đức T2 cho anh Nguyễn Hồng Q.

- Chấp nhận yêu cầu của bà T về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật, và yêu cầu chia bằng hiện vật.

- Xử: Chia và giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền quản lý, sử dụng 339,45 m² đất nông nghiệp tại thửa số 7, tờ bản đồ địa chính số 5, địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, giá trị: 14.256.900 đồng (*mười bốn triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm đồng*); có vị trí như sau:

Phía Đông dài 14,25m + 1,02m giáp đường bê tông; Phía Tây dài 15,57m giáp hộ anh Nguyễn hồng Q1; Phía Nam dài 22,02m giáp hộ anh Nguyễn hồng Q1; Phía Bắc dài 22,01m giáp hộ anh Nguyễn hồng Q1. (Thể hiện chi tiết trong sơ đồ kèm theo).

Bà T được quyền sở hữu các tài sản gồm Nhà cấp 4 giáp phía đền C năm 2021 diện tích 28.9 m²; Nhà cấp 4 giáp đường vào đền C năm 2017 diện tích 36 m² và toàn bộ tài sản, cây cối hiện đang tồn tại trên phần đất chia cho bà T.

Bà T có trách nhiệm thanh toán chênh lệch về tài sản cho anh Nguyễn Hồng Q số tiền chênh lệch về tài sản là: (10.836.000 đồng + 10.172.000 đồng) - 10.288.600 đồng = 10.7194.000 đồng.

- Xử: Chia và giao cho anh Nguyễn Hồng Q được quyền quản lý, sử dụng 1.923,55 m² đất nông nghiệp tại thửa số 7, tờ bản đồ địa chính số 5, địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, giá trị 80.789.100 đồng (*tám mươi triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn một trăm đồng*); Giao cho anh Q tiếp tục sử dụng Diện tích đất nông nghiệp 534,8 m² là đất 5% do Ủy Ban nhân dân xã A Quản lý, có vị trí như sau:

Phía Đông dài 27,85m + 8,65m + 25,97m + 0,41m + 3,6m + 7,43m + 2,93m + 4,63m giáp đất bà Nguyễn Thị T, đường bê tông; Phía Tây dài 3,36m + 3,75m + 42,41m + 22,67m + 27,08m giáp ruộng thủy lợi; Phía Nam dài 31,27m giáp Trạm bơm; Phía Bắc dài 22,61m. (Thể hiện chi tiết trong sơ đồ kèm theo).

Anh Q được quyền sở hữu các tài sản gồm tường rào diện tích 44,94 m²; Ao 1 diện tích 487,3 m²; Ao 2 diện tích 905.2 m², 1 phần diện tích vườn và toàn bộ tài sản, cây cối hiện đang tồn tại trên phần đất chia cho anh Q.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.”.

Ngoài ra, phần quyết định của bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo...

Ngày 16/4/2024, anh Nguyễn Hồng Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 19/4/2024, anh Nguyễn Đức T2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Q và người đại diện theo ủy quyền của anh T2 là ông Ngô Xuân P rút một phần yêu cầu kháng cáo, chỉ kháng cáo về cách chia di sản thừa kế của ông T3 của bản án sơ thẩm, anh Q có nguyện vọng được nhận di sản bằng hiện vật và có trách nhiệm thanh toán giá trị phần di sản bà T được hưởng. Ông P đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của anh Q, anh T2 sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao toàn bộ di sản của ông T3, bà T4 cho anh Q được sử dụng, quản lý. Anh Q có trách nhiệm thanh toán giá trị suất thừa kế mà các đồng thừa kế được hưởng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng do đất nông nghiệp của hộ gia đình trộn lẫn với nhau và trộn lẫn với đất do UBND xã quản lý không xác định trí vị trí cụ thể nên cần chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà T và phân chia di sản theo hướng giao cho anh Q toàn bộ di sản của ông T3 để lại cho anh Q trong đó có phần anh Q được hưởng và suất di sản anh T2, cụ D, cụ P1 được hưởng đã nhường cho anh Q sử dụng. Anh Q có trách nhiệm thanh toán giá trị phần thừa kế của cụ H và bà T được hưởng cho bà T do cụ H nhường cho bà T. Sửa phần án phí của bản án sơ thẩm theo hướng những người thừa kế của bà T4 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gửi trong thời hạn kháng cáo luật định quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được đưa ra xem xét tại phiên tòa phúc thẩm.

Tại phiên tòa, anh Q và người đại diện theo ủy quyền của anh T2 rút một phần kháng cáo, chỉ kháng cáo về cách chia di sản của bản án sơ thẩm. Xét thấy đây là sự tự nguyện của người kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc họ rút một phần kháng cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 298 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Hồng Q, anh Nguyễn Đức T2 về cách chia di sản của bản án sơ thẩm:

[2.1] Về thẩm quyền và xác định quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế là bất động sản có địa chỉ tại thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thụ lý, giải quyết vụ án, xác định quan hệ tranh chấp chia thừa kế tài sản là đúng quy định tại các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T4 chết ngày 08/01/2012, ông Nguyễn Văn T3 chết ngày 05/5/2022, đến ngày 16/11/2022, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện là còn trong thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T3 theo Điều 623 Bộ luật dân sự.

[2.3] Về hàng thừa kế: Ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị T4 có 02 người con chung gồm: anh Nguyễn Hồng Q, anh Nguyễn Đức T2. Ông T3 có mẹ đẻ là cụ Hoàng Thị H còn sống. Sau khi bà T4 chết, ông T3 có đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị T. Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của ông T3 gồm cụ H, bà T, anh Q và anh T2. Hàng thừa kế thứ nhất của bà T4 là cụ P1, cụ D, ông T3, anh Q, anh T2. Bản án sơ thẩm xác định hàng thừa kế là đúng quy định của pháp luật. Cụ H nhường suất nhận thừa kế theo pháp luật của mình cho bà T; cụ D, cụ P1, anh T2 nhường suất nhận thừa kế theo pháp luật của mình cho anh Q, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần chấp nhận.

[2.4] Về di sản thừa kế của ông T3:

Ông T3 và bà T4 có tài sản chung gồm: Thửa 7 tờ bản đồ số 05, diện tích 2.557,8m² địa chỉ: thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, mục đích sử dụng đất nông nghiệp khác theo kết quả đo đạc VLAP và kết quả đo đạc địa chính năm 2013. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/8/2023 thì diện tích đất thực tế là 2.797.8 m² tức là tăng 240 m² đất nông nghiệp do chuyển đổi cơ cấu cây trồng con vật nuôi và sai số trong quá trình đo đạc. Xác minh tại UBND xã A, diện tích đất của hộ ông T3, bà T4 là 2.263 m² đất nông nghiệp chuyển đổi cơ cấu cây trồng con vật nuôi (thuộc đất loại 7). Diện tích đất còn lại 534,8 m² là đất 5% do Ủy Ban nhân dân xã A quản lý. Về nguồn gốc thửa đất do nhà nước giao đất theo Quyết định 652 ngày 17/11/1993 và Quyết định 948 ngày 25/9/2000 về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp của Ủy ban nhân dân tỉnh T. Hộ gia đình ông T3, bà T4 gồm 04 nhân khẩu gồm ông T3, bà T4, anh Q, anh T2. Do đó, mỗi người được nhà nước giao 565,75 m² đất nông nghiệp. Ngoài ra, trên đất còn một số tài sản có tổng trị giá là 32.962.000 đồng, trong đó di sản của ông T3, bà T4 là 27.962.000 đồng, còn 5.000.000 đồng là giá trị tài sản còn lại của bà T. Ông T3 được hưởng một suất di sản thừa kế của bà T4 để lại gồm 113,15 m² đất nông nghiệp và trị giá tài sản trên đất là 2.796.200 đồng.

Như vậy, di sản thừa kế ông T3 để lại gồm 678,9m² đất nông nghiệp (có giá trị là 28.513.800 đồng) và giá tài sản trên đất là 16.777.200 đồng. Tổng giá trị di sản là 45.291.000 đồng.

[2.5] Về di sản thừa kế của bà T4:

Như phân tích tại mục [2.4], bà T4 để lại di sản thừa kế gồm 565,75 m² đất nông nghiệp (có giá trị là 23.761.500 đồng) và giá tài sản trên đất là 13.981.000 đồng. Tổng giá trị di sản là 37.742.500 đồng.

[2.6] Về cách chia thức di sản thừa kế của ông T3:

Cụ H, bà T, anh Q, anh T2 mỗi người được nhận 169,725 m² đất nông nghiệp và giá tài sản trên đất là 4.194.300 đồng. Cụ H tự nguyện nhường kỷ phần thừa kế mà cụ được hưởng cho bà T. Như vậy, phần của bà T được hưởng là 339,45 m² đất nông nghiệp, có giá trị là 14.256.900 đồng và giá trị tài sản trên đất là 13.388.600 đồng. Tổng giá trị di sản bà T được nhận là 27.645.500 đồng.

[2.7] Về cách giao di sản thừa kế bà T, anh Q được nhận:

Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào nhu cầu về nhà ở của bà T để chấp nhận yêu cầu của bà T về việc chia di sản thừa kế của ông T3 theo pháp luật và yêu cầu chia bằng hiện vật, giao cho bà T được quyền quản lý, sử dụng 339,45 m² đất nông nghiệp. Tại giai đoạn phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh Q giao nộp tài liệu chứng cứ là Biên bản xác minh ngày 24/7/2024 đối với Trưởng thôn M, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình có xác nhận của chính quyền địa phương với nội dung: Bà T hiện đang sinh sống trên nhà đất của bố mẹ đẻ bà T tại thôn M và được chia đất nông nghiệp tại xã A. Sau khi ông T3 chết, anh Q đã sửa chữa lại phần diện tích ao và chuyển về đó sinh sống, bà T đang sống cùng mẹ chồng là cụ Hoàng Thị H ở trong thôn.

Xét thấy, bản án sơ thẩm giao cho bà T một phần diện tích đất nông nghiệp để làm nơi ở là không phù hợp bởi mục đích sử dụng đất nông nghiệp dùng để canh tác không phải để ở ổn định lâu dài; hộ gia đình ông T3 được nhà nước giao thửa đất số 7 tờ bản đồ số 05 diện tích 2.263 m² đất nông nghiệp là căn cứ theo 04 nhân khẩu gồm ông T3, bà T4, anh Q, anh T2 theo Quyết định 652 và Quyết định 948 nhưng đất của thành viên trong hộ gia đình trộn lẫn với nhau và trộn lẫn với đất do UBND xã quản lý không xác định vị trí cụ thể; bà T đã được giao đất nông nghiệp tại xã A, huyện Q; hơn nữa, việc chia đất nông nghiệp thành các mảnh nhỏ sẽ dẫn đến tình trạng manh mún, không thuận tiện cho việc canh tác. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần sửa bản án sơ thẩm về cách giao di sản thừa kế theo hướng giao toàn bộ diện tích đất nông nghiệp và tài sản trên đất là di sản thừa kế của ông T3, bà T4 để lại cho anh Q sử dụng. Anh Q có trách nhiệm thanh toán giá trị phần di sản thừa kế mà bà T được nhận.

Anh T2 nhường toàn bộ diện tích đất nông nghiệp của anh theo Quyết định 652 và Quyết định 948 cho anh Q sử dụng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần chấp nhận.

[2.8] Về cách tính án phí sơ thẩm: Bản án sơ thẩm tính án phí đối với những người thừa kế của bà T4 là vượt quá yêu cầu khởi kiện, do đó, cần sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hồng Q, anh Nguyễn Đức T2 và sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Q, anh T2 được chấp nhận nên anh Q, anh T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 4 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

I. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hồng Q và anh Nguyễn Đức T2, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình như sau:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 271, 273, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc chia di sản thừa kế đối với di sản của ông Nguyễn Văn T3 để lại:

- Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T3 tại thửa đất số 7, tờ bản đồ địa chính số 5, địa chỉ thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình có diện tích là 678,9 m² đất nông nghiệp, trị giá là 28.513.800 đồng và trị giá tài sản trên đất của ông T3 là 16.777.000 đồng.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T3 gồm 4 người là: Cụ Hoàng Thị H, bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Hồng Q, anh Nguyễn Đức T2.

- Ghi nhận sự tự nguyện nhường kỹ phần thừa kế di sản của cụ Hoàng Thị H cho bà Nguyễn Thị T.

- Ghi nhận sự tự nguyện nhường kỹ phần thừa kế di sản của anh Nguyễn Đức T2 cho anh Nguyễn Hồng Q.

- Ghi nhận sự tự nguyện giao phần đất nông nghiệp theo nhân khẩu của anh Nguyễn Đức T2 cho anh Nguyễn Hồng Q.

- Xử: Chia và giao cho anh Nguyễn Hồng Q được quyền quản lý, sử dụng là 678,9 m² đất nông nghiệp, trị giá là 28.513.800 đồng và trị giá tài sản trên đất của ông T3 là 16.777.000 đồng nằm trong tổng diện tích 2263 m² đất nông nghiệp tại thửa số 7, tờ bản đồ địa chính số 5, địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Tạm giao cho anh Q tiếp tục sử dụng diện tích đất nông nghiệp 534,8 m² là đất 5% do Ủy Ban nhân dân xã A Quản lý, có vị trí như sau:

Phía Đông bao gồm các đoạn 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10 + 11 + 12, giáp đường bê tông; Phía Tây gồm các đoạn 3 + 2 + 1 + 15 + 14 + 13 giáp nương thủy lợi; Phía Nam gồm các đoạn 12 + 13 giáp Trạm bơm; Phía Bắc gồm các đoạn 3 + 4. (Thể hiện chi tiết trong sơ đồ kèm theo).

Anh Q được quyền sở hữu các tài sản gồm: Nhà cấp 4 giáp phía đền C năm 2021 diện tích 28.9 m² ; Nhà cấp 4 giáp đường vào đền C năm 2017 diện tích 36 m² , tường rào diện tích 44,94 m²; ao 1 diện tích 487,3 m²; ao 2 diện tích 905.2 m², diện tích vườn và toàn bộ tài sản, cây cối hiện đang tồn tại trên đất.

Anh Q có trách nhiệm thanh toán giá trị suất thừa kế bà T được hưởng là 27.645.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.”.

9. Án phí:

Bà Nguyễn Thị T phải nộp 1.132.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 3.000.000 đồng bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005832 ngày 12/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển 1.132.000 đồng thành tiền án phí dân sự sơ thẩm và trả lại bà T 1.868.000 đồng.

Anh Nguyễn Hồng Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.132.000 đồng.

II. Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Hồng Q, anh Nguyễn Đức T2 không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại anh Q số tiền 300.000 đồng anh Q đã nộp tại biên lai số 0004692 ngày 16/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Trả lại anh T2 số tiền 300.000 đồng anh T2 đã nộp tại biên lai số 0004704 ngày 24/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án, Chi cục THA huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Tuấn Vương

